

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 50/2026/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định khu vực không được phép chăn nuôi
và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực
không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét Tờ trình số 192/TTr-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về dự thảo Nghị quyết quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 226/BC-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên giải trình, làm rõ một số nội dung thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các Tổ đại biểu tại Kỳ họp thứ tư (Kỳ họp chuyên đề), Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XV; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Nghị quyết quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân người Việt Nam, người nước ngoài có cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm trong khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; trừ nuôi động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường;

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện quy định tại Nghị quyết này.

Điều 2. Quy định khu vực không được phép chăn nuôi

1. Khu vực không được phép chăn nuôi gia súc, gia cầm bao gồm: Các thôn (xóm), tổ dân phố có tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm từ 65% trở lên và mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên từ 1.000 người/km² trở lên.

2. Căn cứ vào tiêu chí quy định khu vực không được phép chăn nuôi tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định danh sách các khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Quy định chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi

1. Hỗ trợ không quá 50% chi phí mua sắm thiết bị công trình và thiết bị công nghệ chăn nuôi theo diện tích chuồng trại hiện có của cơ sở chăn nuôi thuộc đối tượng phải di dời; mức hỗ trợ tối đa không quá 10 tỷ đồng/cơ sở.

2. Hỗ trợ không quá 50% chi phí di dời vật nuôi đến địa điểm mới phù hợp; mức hỗ trợ tối đa không quá 500 triệu đồng/cơ sở.

3. Hỗ trợ 100% chi phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; mức hỗ trợ tối đa không quá 03 lần mức lương cơ sở/người.

Điều 4. Nguyên tắc, điều kiện, đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ và kinh phí hỗ trợ**1. Đối tượng được hỗ trợ**

Tổ chức, cá nhân có cơ sở chăn nuôi được xây dựng và hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành và đang hoạt động tại khu vực không được phép chăn nuôi quy định tại Điều 2 Nghị quyết này được hỗ trợ di dời đến địa điểm mới phù hợp quy hoạch hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi và chuyển đổi ngành nghề.

2. Điều kiện được hỗ trợ

a) Cơ sở chăn nuôi được xây dựng và hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành và đang hoạt động trong khu vực không được phép chăn nuôi thuộc diện phải di dời theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết này;

b) Người được đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác phải có chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo do cơ sở đào tạo cấp và cam kết thực hiện nghề đã được đào tạo chuyển đổi ít nhất 05 năm sau khi được nhận hỗ trợ;

c) Việc hỗ trợ đối với nội dung quy định tại Điều 3 Nghị quyết này được thực hiện sau khi cơ sở chăn nuôi đã hoàn thành việc di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi, chuyển đổi ngành nghề có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã;

d) Cơ sở chăn nuôi phải hoàn thành việc di dời hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành. Cơ sở chăn nuôi đã hoàn thành việc di dời hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi trong thời hạn quy định, nhưng quá 36 tháng chưa thực hiện thủ tục đề nghị hỗ trợ vẫn được hưởng hỗ trợ theo quy định. Cơ sở chăn nuôi hoàn thành việc di dời hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi sau thời hạn 36 tháng không được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết này.

3. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Đảm bảo công khai, minh bạch, không chồng chéo, trùng lặp, đúng đối tượng, đúng mục đích và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương;

b) Cơ sở chăn nuôi thuộc đối tượng hỗ trợ của Nghị quyết này được thụ hưởng chính sách hỗ trợ một lần. Trường hợp cùng một thời điểm và cùng một nội dung hỗ trợ, đối tượng thụ hưởng chính sách chỉ được lựa chọn mức hỗ trợ cao nhất;

c) Chi phí mua sắm thiết bị công trình và thiết bị công nghệ được tính toán theo quy định của pháp luật là cơ sở để xem xét hỗ trợ từ ngân sách nhà nước;

d) Cơ sở chăn nuôi nằm trong khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định tại Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về danh sách các khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và Quyết định số 2736/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên thì không được hưởng chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này;

đ) Khi có khiếu nại, tố cáo về việc thực hiện chính sách hỗ trợ, cơ quan có thẩm quyền theo phân cấp tổ chức xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Kinh phí hỗ trợ

a) Kinh phí hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này sử dụng từ nguồn vốn đầu tư công;

b) Kinh phí hỗ trợ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 Nghị quyết này sử dụng từ nguồn kinh phí thường xuyên theo phân cấp ngân sách hiện hành;

c) Việc lập dự toán, chấp hành dự toán và thanh quyết toán kinh phí thực hiện các chính sách tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 06 tháng 7 năm 2026.

2. Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XV, Kỳ họp thứ tư (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2026./

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Lương